TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 317/2024/QĐST - HNGĐ	*Đ, ngày 30 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 575/2024/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Đường C, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông H, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông H.

- Về con chung: Giao bà H nuôi con chung cháu G, sinh ngày 24/3/2009 và cháu H, sinh ngày 13/11/2013 cho đến ngày con chung thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H cấp dưỡng nuôi con chung cháu G, sinh ngày 24/3/2009, với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2025 cho đến ngày con chung thành niên và cháu H, sinh ngày 13/11/2013, với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2025 cho đến ngày con chung thành niên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả hết số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà H nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đồng và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000205 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- CC THA DS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Giấy chứng nhận kết hôn số: 141, quyển số: 01/2008, ngày 03/11/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Vũ